

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY CHỮ KANJI CHO SINH VIÊN VIỆT NAM: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ CHÂU - TRẦN LAN PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 07/03/2017; ngày sửa chữa: 07/03/2017; ngày duyệt đăng: 20/03/2017.

Abstract: Kanji (one of the four alphabets currently used in modern Japanese writing) has approximately 10,000 characters of which 1,945 basic and popular are called 'Jooyoo Kanji'. Numerous in quantity, complicated in construction and reading as well, Kanji is seen the main obstacle for people learning Japanese. In this article, authors investigated and analyzed major difficulties that students have been facing. Some major solutions were identified and have been applied into Kanji teaching in the School of Foreign Languages (SOFL) of Hanoi University of Science and Technology (HUST). Major results obtained have shown that these solutions help our students memorize Kanji faster and longer so Kanji lessons become more interesting and effective.

Keywords: Kanji, School of Foreign Languages, Hanoi University of Science and Technology.

1. Đặt vấn đề

1.1. Khái quát chung chữ Kanji trong tiếng Nhật. Kanji (chữ Hán) là một trong 4 bộ kí tự được dùng trong hệ thống chữ viết tiếng Nhật hiện nay; 3 bộ kí tự còn lại là: *Hiragana* (chữ mềm), *Katakana* (chữ cứng), *Romaji* (chữ Latinh). Theo thống kê, tiếng Nhật có tất cả khoảng 10.000 chữ Kanji. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, chính phủ Nhật Bản đã xây dựng nên 1945 kí tự cơ bản là "Jooyoo Kanji" (từ Kanji thông dụng) - được sử dụng trong sách giáo khoa và trong các văn bản chính thức. Chữ Kanji có 214 bộ thủ cơ bản. Tất cả các chữ Kanji không ngoại lệ đều có ít nhất 1 bộ thủ. Phần lớn các bộ thủ của 214 bộ đều là chữ tượng hình và hầu như dùng làm bộ phận chỉ ý nghĩa trong các chữ theo cấu tạo hình thanh.

Ví dụ: 3 chữ Kanji dưới đây có phần bên phải của chữ là giống nhau nhưng phần bên trái thì khác nhau. Phần bên trái của những chữ Kanji này chính là bộ thủ của chúng:

- 時: Bộ thủ nằm bên trái của chữ Kanji này là 日 (mặt trời, ngày). Nghĩa của chữ Kanji này là "thời gian".

- 詩: Bộ thủ nằm bên trái của chữ Kanji này là 言 (nói, chữ). Nghĩa của chữ Kanji này là "thơ".

- 持: Bộ thủ nằm bên trái của chữ Kanji này là 扌 (tay). Nghĩa của chữ Kanji này là "cầm, nắm".

Đa số chữ Kanji là chữ hình thanh, nên thuộc bộ thủ là một điều kiện thuận lợi tìm hiểu hình - âm - nghĩa của chữ Kanji.

1.2. Những khó khăn cơ bản mà người học thường gặp khi học Kanji. Kanji có hai cách đọc: On-yomi (cách đọc theo âm) và Kun-yomi (cách đọc theo nghĩa). Một chữ Kanji có thể có một hoặc hai, ba cách đọc âm On; một hoặc nhiều cách đọc âm Kun

(nhiều nhất có tới 10 cách đọc). Với tính chất vừa nhiều về số lượng, vừa phức tạp về cấu tạo cũng như cách đọc, Kanji được xem là một trong những trở ngại lớn đối với người nước ngoài học tiếng Nhật.

Viết chữ Kanji và viết cách đọc của chữ Kanji là một phần trong bài thi môn *Tiếng Nhật* của sinh viên (SV) Viện Ngoại ngữ (NN) - Trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội. Trong hai năm học vừa qua, điểm bài Kanji của SV thấp hơn hẳn so với những năm trước, thậm chí xuất hiện những bài thi để trống phần thi Kanji. Để có câu trả lời cho hiện trạng này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát để tìm hiểu, phân tích những khó khăn mà SV gặp phải khi học chữ Kanji. Từ đó, đưa ra các biện pháp khắc phục, tìm phương pháp giảng dạy phù hợp, giúp SV có thể nhớ Kanji nhanh hơn, lâu hơn; giờ học Kanji trở nên thú vị hơn và hiệu quả hơn.

2. Khảo sát về việc học chữ Kanji của SV Viện NN - Trường ĐHBK Hà Nội

Chúng tôi đã phát phiếu điều tra cho 107 SV hiện đang học tiếng Nhật tại Viện NN - Trường ĐHBK Hà Nội, năm học 2015-2016.

Theo kết quả của điều tra, 67% số SV được hỏi trả lời là có thích học chữ Kanji, 33% SV còn lại trả lời không thích và lí do SV không thích học chữ Kanji là do chữ Kanji khó. Hiểu được tầm quan trọng của chữ Kanji, SV cũng đã tìm tòi, sử dụng đồng thời nhiều phương pháp học chữ Kanji như: - Viết đi viết lại nhiều lần; - Học chữ Kanji theo bộ; - Học chữ Kanji theo từ ghép; - Học bằng phương pháp liên tưởng; - Làm nhiều bài tập.

* Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Trong đó, phương pháp viết đi viết lại nhiều lần và làm nhiều bài tập được SV sử dụng nhiều hơn cả với tần suất sử dụng cũng cao hơn. Tuy SV đã nỗ lực rất nhiều, nhưng kết quả vẫn không được như mong đợi. Theo điều tra, những khó khăn mà SV gặp phải khi học chữ Kanji như sau: - 28% SV được hỏi cho rằng chữ Kanji khó là do chữ Kanji có nhiều nét; - 22% SV cho rằng số lượng chữ Kanji có quá nhiều; - 15% SV nói chữ Kanji có nhiều cách đọc; - 35% cho rằng chữ Kanji khó nhớ và dễ quên.

3. Giải pháp đổi mới phương pháp dạy học Kanji áp dụng tại Viện NN - Trường ĐHBK Hà Nội

Trước thực trạng dạy và học, cùng với kết quả thu được qua cuộc khảo sát, từ học kì II năm học 2015-2016, chúng tôi đã và đang áp dụng phương pháp giảng dạy mới với mục tiêu giúp SV nâng cao hiệu quả trong việc tiếp thu cũng như có hứng thú hơn trong việc học Kanji.

3.1. Thông nhất trật tự tiến hành giờ giảng Kanji trên lớp. Trên lớp, giảng viên (GV) vẫn tiếp tục hướng dẫn SV cách viết, cách đọc và sử dụng chữ Kanji. Tuy nhiên, cách thức tiến hành giờ dạy sẽ có đôi chút khác biệt so với trước đây.

3.1.1. Về cách viết: Chữ Kanji trông rất phức tạp vì gồm nhiều nét, ngang, dọc, rất khó nhớ. Tuy nhiên, mỗi chữ đều hình thành từ nhiều bộ phận, từ nhiều chữ đơn giản. Việc viết đúng thứ tự các nét trong một chữ Hán sẽ giúp SV nhớ chữ dễ dàng hơn cũng như viết chữ đẹp hơn. Do vậy, SV cần phải nắm được các quy tắc cơ bản khi viết Kanji. Người ta chia chữ Hán thành 2 loại: loại có kết cấu đơn giản gọi là *Văn*. Ví dụ: 人, 上,... và loại có kết cấu phức tạp gọi là *Tự*. Ví dụ: 明, 好,...

- *Đối với những chữ đơn giản (Văn):*

+ Nét trái viết trước, nét phải viết sau (人、入、八、川).

+ Nét trên viết trước, nét dưới viết sau (二、下、丁).

+ Nét ngang viết trước, nét sổ viết sau (十).

+ Nét ngoài viết trước, nét trong viết sau (日、月).

+ Nét giữa viết trước, 2 nét 2 bên viết sau (2 nét 2 bên thường đối xứng nhau) (木、小).

+ Nét có nhiệm vụ khép kín ô vuông viết sau cùng (日、国).

- *Đối với những chữ phức tạp (Tự):*

+ Chữ trái viết trước, chữ phải viết sau (好、知).

+ Chữ trên viết trước, chữ dưới viết sau (思、男).

+ Chữ ngoài viết trước, chữ trong viết sau (聞、間、開).

+ Chữ trong viết trước, chữ ngoài viết sau (道、近).

+ Chữ giữa viết trước, hai chữ hai bên viết sau (樂).

Với việc tiếp nhận và ghi nhớ những quy tắc cơ bản khi đặt bút viết Kanji, người học sẽ dần dần cảm nhận được việc học và nhớ chữ Kanji không phải là việc làm quá khó.

3.1.2. Về cách đọc và cách sử dụng: Một chữ Kanji luôn có nhiều cách đọc (theo âm on-yomi và âm kun-yomi). Ví dụ: chữ 「山」 khi đứng độc lập sẽ có âm đọc kun-yomi là 「やま」, nhưng khi đứng trong từ ghép 「富士山」 thì 「山」 được đọc theo âm on-yomi là 「さん」 hoặc đọc là 「ざん」 trong từ ghép 「火山」. Đối với những người bắt đầu học Kanji, việc phải nhớ nhiều cách đọc như vậy rất khó khăn. Do vậy, khi tiến hành bài giảng trên lớp, chúng tôi sẽ tập trung vào việc hướng dẫn SV ghi nhớ những cách đọc trong các từ thông dụng và những từ đã xuất hiện trong phần từ vựng của các bài khóa ngữ pháp.

3.1.3. Về luyện tập: - GV sẽ chuẩn bị tranh có hình ảnh minh họa hoặc hình ảnh tượng trưng cho chữ Kanji xuất hiện trong bài giảng. Những hình ảnh trực quan sẽ làm cho SV ghi nhớ dễ hơn, nhanh hơn; - GV cho SV đọc bài đọc nho nhỏ, tạo các tình huống hội thoại có sử dụng từ vựng có chữ Kanji đang học tới. Việc học chữ Kanji không đơn thuần là nhớ từng chữ riêng biệt mà phải gắn chữ với ngữ cảnh cụ thể trong hội thoại cũng như trong bài đọc... Làm được việc này, chắc chắn hiệu quả của việc học Kanji sẽ được cải thiện rất nhiều; - Giới thiệu và hướng dẫn SV tìm và sử dụng những tài liệu ngoài giáo trình để tự tra cứu thêm về vốn chữ Kanji.

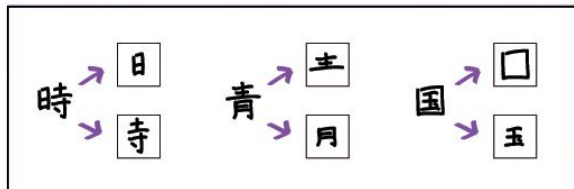
3.2. Đề ra nhiệm vụ cho SV trước, trong và sau giờ học Kanji: - SV có trách nhiệm hoàn thành các bài tập GV giao (bài tập trên lớp và bài tập về nhà); - Làm bài kiểm tra (khoảng 5-7 phút) trước khi bắt đầu tiết học Kanji; - Tìm học thêm từ các nguồn tài liệu khác để tra cứu thêm từ mới và ôn lại từ đã học.

3.3. Thiết kế các hoạt động giúp giờ học Kanji thu hút hơn, hiệu quả hơn. Để có thể tăng sự thu hút của bài giảng cũng như giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả hơn, GV cần phải chuẩn bị thẻ minh họa cho các chữ Kanji sẽ xuất hiện trong bài giảng, thẻ của những từ ghép có chữ Kanji sẽ dạy, thẻ các bộ thủ sẽ cấu thành chữ Kanji... Việc sử dụng thẻ minh họa không chỉ giúp SV luyện đọc mà còn ứng dụng được vào một số hoạt động luyện tập khác như: cấu tạo từ ghép từ các chữ Kanji đơn lẻ, ghép các bộ thủ thành chữ Kanji...

3.3.1. Tìm bộ thủ và sắp xếp thành một chữ Kanji hoàn chỉnh:

- *Mô tả và chuẩn bị:* Đây là hoạt động có sự tham gia của cả lớp. Một chữ Kanji sẽ được chia thành 2 bộ

thủ và sắp xếp không theo trật tự nào. Nhiệm vụ của SV là tìm đúng các bộ thủ để ghép thành chữ Kanji hoàn chỉnh. Để tiến hành hoạt động này, GV cần chuẩn bị thẻ các bộ thủ cấu thành các chữ Kanji của bài giảng (xem hình 1).



Hình 1. Minh họa cho việc chia chữ Kanji thành các bộ thủ

- Cách thức tiến hành: + Các thẻ bộ thủ sẽ được gắn trên bảng không theo trật tự nào; + GV sẽ chỉ định 1 SV lên làm nhiệm vụ; + SV tìm các thẻ đang gắn trên bảng thích hợp để tạo ra chữ Kanji chính xác. Ví dụ: từ các bộ 日、門、口、木、力、月、

木、力、月、子、寺、宀、田、力、玉... có thể kết hợp một số bộ với nhau thành các chữ Kanji hoàn chỉnh như 問、男、時、明、国...; + SV sẽ phải đọc to chữ Kanji mà mình đã tìm và ghép được. Ví dụ: “Đây là chữ 男”; + Nếu SV ghép sai hoặc đọc từ đã ghép sai thì thẻ tìm ra sẽ được gắn trở lại bảng và cơ hội dành cho người khác; + Hoạt động sẽ tiến hành đến khi số thẻ gắn trên bảng không còn nữa.

Lưu ý: Hoạt động này cũng có thể tiến hành trên cơ sở chia nhóm (2-4 SV). Khi đó, thay vì gắn thẻ trên bảng, GV có thể đặt thẻ trên bàn cho các nhóm làm nhiệm vụ.

3.3.2. Tập hợp Kanji cùng nhóm ý nghĩa:

- Mô tả và chuẩn bị: Đây là hoạt động theo nhóm đòi hỏi độ nhanh nhạy và chính xác cao. Mỗi đội gồm 3-4 SV, chữ Kanji sẽ được phân chia theo nhóm ý nghĩa. Người tham gia cần chú ý ý nghĩa của từng chữ Kanji. Để tiến hành hoạt động này, GV phải lựa chọn từ 9-12 chữ Kanji có sự đồng nhất về ý nghĩa đã dạy từ trước đến nay. Ví dụ: 「足、手、頭、耳、目、口、鼻」 sẽ tạo nhóm mang ý nghĩa cơ thể (体); 「牛、馬、犬、魚、豚、象」 tạo nhóm mang ý nghĩa động vật (動物); 「青、赤、白、黒、緑」 tạo nhóm mang ý nghĩa màu sắc (色); 「祖母、祖父、母、父、姉、兄、妹、弟」 tạo nhóm mang ý nghĩa gia đình (家族)... Số thẻ Kanji chuẩn bị cần đủ cho số nhóm tham gia hoạt động.

- Cách thức tiến hành: + Các thẻ chữ Kanji được đặt trên bàn; + Mỗi nhóm sẽ cùng suy nghĩ để tìm từ và lựa chọn ra các chữ Kanji thuộc về cùng một nhóm ý nghĩa; + Nhóm nào phân loại xong trước sẽ thông báo cho GV biết; + GV là người chỉ định ra đội hoàn

thành nhiệm vụ đầu tiên; + Thành viên của đội hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên sẽ thuyết minh về những chữ Kanji cùng nhóm ý nghĩa mà cả đội đã tìm ra. Ví dụ như “Các chữ Kanji này là xanh 青, đỏ 赤, trắng 白, đen 黒, lục 緑. Chúng thuộc nhóm mang ý nghĩa màu sắc (色)”. Các đội còn lại cũng có nhiệm vụ trả lời xem đội bạn đưa ra kết quả có chính xác hay không; + Nếu kết quả sai, GV sẽ chỉ định đội tiếp theo.

Đây là hoạt động nhóm có tính cạnh tranh cao, đòi hỏi độ nhanh nhạy và chính xác; do đó, sẽ giúp cho không khí lớp học sôi nổi hơn. Hơn nữa, để có kết quả tốt khi tham gia hoạt động, SV sẽ có ý thức tự giác ôn tập các bài đã học. Hơn nữa, việc SV vui học Kanji cùng bạn bè trên lớp cũng là một trong những tác nhân giúp các em không chỉ duy trì mà còn cảm thấy yêu thích việc học Kanji hơn. Ngoài ra, khi học không chỉ đơn giản là viết nhiều để nhớ chữ mà việc sắp xếp Kanji theo bộ thủ và ý nghĩa cũng góp phần không nhỏ giúp SV hiểu sâu và ghi nhớ được chữ Kanji tốt hơn.

Qua nghiên cứu này, chúng tôi đã có cái nhìn toàn diện hơn về thực trạng học Kanji của SV Viện NN - Trường ĐHBK Hà Nội. Theo đó, để khắc phục những khó khăn trong việc học chữ Kanji, cần: - Đối với SV, các em không chỉ cần thường xuyên học luyện tập và ôn tập trên lớp cũng như ở nhà, mà còn phải có phương pháp tự học phù hợp; - Đối với GV, các thầy cô nên sử dụng nhiều công cụ giảng dạy trực quan, thu hút và giúp SV nhớ ngay tại lớp, thường xuyên giới thiệu tài liệu tham khảo cho SV tự tìm và học nâng cao phục vụ cho mục tiêu dạy - học Kanji khoa học, thú vị và hiệu quả hơn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] 加納千恵子・清水百合・竹中弘子・石井恵理子 (2003) *Basic Kanji Book* - Vol 1. 株式会社凡人社 刊
- [2] 佐藤保子・三島敦子・虫明美喜・佐藤勢紀子 (2008). *漢字系学習者のための漢字から学ぶ語彙1 日常生活編*
- [3] 佐藤尚子・佐々木仁子 (2009). *留学生のための漢字の教科書 初級300*. 国書刊行会
- [4] 林奈実 (2011). *日本語教育における中級学習者向け漢字教材の分析*. 日本研究教育年報 1
- [5] 濱川祐紀代・中村雅子 (2015). *日本語教育通信授業のヒント漢字を楽しく学ぶ10分活動*. Retrieved from <http://jpf.go.jp>
- [6] 武部良明 (1993) 「漢字は難しくない」 アルク
- [7] Nguyễn Thị Châu - Trần Lan Phương (2016). *Khảo sát về việc học chữ Kanji của sinh viên Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội*. Báo cáo tổng hợp.